TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2021/DS-ST
Ngày: 14/6/2021.
V/v Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Mẫn;

2. Bà Cao Kim Triều

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Thị Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:

Bà Tăng Tố Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 658/2020/DSST ngày 10/11/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2162/2021/QĐXXST-DS ngày 29/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3180/2021/QĐST-DS ngày 21/5/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S.
Địa chỉ: Đường NK, Phường T, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh.
Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1983 – Đại diện theo Giấy ủy quyền số 124/2020/UQ-CNQ4 ngày 03/7/2020.
Địa chỉ: Số 85/24 B, Phường M, Quận S, Tp. Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn G, sinh năm 1960.
Địa chỉ: Số 41A Tôn Thất T, phường P, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, tại các bản khai và trong quá trình tố tụng tại tòa, đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP S là ông Nguyễn Trọng H trình bày:

Ngày 02/9/2017, Ông Phạm Văn G (Sau đâu gọi là Bị đơn) có ký với Ngân hàng TMCP S (Sau đây gọi là Nguyên đơn) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ mức thu nhập của Bị đơn, Nguyên đơn đã

đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 25.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, Bị đơn đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 67.147.746 đồng và đã thanh toán cho Nguyên đơn số tiền 55.255.000 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Bị đơn vẫn không có thiện chí trả nợ.

Do Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) nên ngày 31/5/2020, Nguyên đơn chấm dứt quyền sử dụng thẻ của Bị đơn và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng).

Tính đến ngày 14/6/2021, Bị đơn còn nợ tổng số tiền 44.750.921 đồng (bao gồm nợ gốc 29.979.775 đồng; nợ lãi quá hạn: 14.771.146 đồng).

Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp, Nguyên đơn khởi kiện với các yêu cầu cụ thể sau:

+ Buộc Bị đơn thanh toán tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 14/6/2021 là 44.750.921 đồng (bao gồm nợ gốc 29.979.775 đồng; nợ lãi quá hạn: 14.771.146 đồng).

+ Buộc Bị đơn phải chịu lãi phát sinh sau ngày 14/6/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu Bị đơn có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu ai cùng với Bị đơn thực hiện nghĩa vụ dân sự.

* Bị đơn là ông Phạm Văn G đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt nên Tòa án không thu thập được ý kiến và tài liệu chứng cứ của Bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Bị đơn vắng mặt, không bổ sung chứng cứ mới, không có ý kiến gì về các chứng cứ đã được công khai tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 18/3/2021. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, ông Hiếu vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do mặc dù đã được tống đạt hợp lệ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 không có kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng mà hai bên đã xác lập và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định Bị đơn đã vi phạm

nghĩa vụ thanh toán đối với Nguyên đơn, do đó đối với yêu cầu Bị đơn trả số nợ gốc 29.979.775 đồng và tiền lãi quá hạn phát sinh do chậm thanh toán tính từ ngày 01/6/2020 cho đến khi vụ án được đưa ra xét xử là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn thanh toán tiền nợ gốc và lãi của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng mà hai bên đã ký kết ngày 02/9/2017. Xét đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động cấp tín dụng của Nguyên đơn với khách hàng cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách đương sự: Nguyên đơn ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Nguyễn Trọng H. Xét là sự tự nguyện, hợp lệ, không trái pháp luật nên chấp nhận.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo kết quả xác minh của Công an Phường P, Quận M ngày 29/12/2020 thì Bị đơn có địa chỉ thường trú tại 41A Tôn Thất T, Phường P, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh nhưng hiện không thực tế cư trú tại địa phương, đi đâu không rõ. Theo kết quả xác minh của Công an phường Đ, Quận MH ngày 14/01/2021 thì Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ T (nơi Bị đơn làm việc) không còn kinh doanh tại 55 Đường Đ, Khu phố B, phường Đ, Quận MH, Tp. Hồ Chí Minh từ năm 2018 đến nay, Bị đơn không thực tế cư trú tại địa chỉ trên. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

[1.4] Về việc giải quyết vắng mặt đối với đương sự: Qua việc xác minh nơi cư trú của Bị đơn như đã nêu trên, có cơ sở xác định đơn khởi kiện của Nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của Bị đơn, việc Bị đơn thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho người khởi kiện biết được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, đại diện Nguyên đơn tham gia đầy đủ khi có Giấy triệu tập của Tòa, Bị đơn vắng mặt. Tại phiên tòa, Bị đơn vắng mặt lần thứ hai mặc dù đã được tống đạt hợp lệ, đại diện Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đòi tiền nợ gốc:

Nguyên đơn được phép hoạt động trong lĩnh vực tín dụng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 03011039xx do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp. Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được giao kết giữa hai bên có hình thức, nội dung không vi phạm điều cấm

của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý ràng buộc quyền, nghĩa vụ giữa các bên.

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 02/9/2017 đính kèm Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, tóm tắt sao kê, thông báo yêu cầu thanh toán nợ, bảng chi tiết tính lãi mà Nguyên đơn cung cấp, lời trình bày của Nguyên đơn có cơ sở để xác định Bị đơn đã được Nguyên đơn đồng ý và cấp thẻ tín dụng S JCB, số tài khoản thẻ: 3929 2919 xx, số thẻ: 356480-50xx. Hai bên thỏa thuận về lãi suất, phí, phương thức thanh toán theo những điều khoản quy định tại Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Quá trình sử dụng thẻ từ ngày 02/9/2017, Bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 67.147.746 đồng nhưng vi phạm nghĩa vụ thanh toán trả gốc và lãi theo quy định Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, mới chỉ thanh toán cho Nguyên đơn tiền gốc và lãi với số tiền 55.255.000 đồng, còn nợ số tiền gốc là 29.979.775 đồng. Vì vậy, từ ngày 31/5/2020 Nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với Bị đơn và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Nguyên đơn.

Do vậy, xét việc Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán ngay toàn bộ nợ gốc 29.979.775 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Xét yêu cầu của Nguyên đơn về trả tiền lãi:

Điều 23 Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Nguyên đơn quy định như sau "Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của Chủ thẻ cho đến kỳ phát hành Thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và Chủ thẻ phải thanh toán… Khi sự kiện vi phạm xảy ra, Chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng Đơn vị phát hành thẻ áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại) phù hợp với Điều 22 đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của đơn vị phát hành thẻ".

Điều 22 Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Nguyên đơn quy định "Đơn vị phát hành thẻ có quyền sửa đổi mức lãi suất trong từng thời kỳ theo quyết định của mình mà không cần thông báo trước cho chủ thẻ".

Theo Quyết định về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ Thẻ S phát hành tại Việt Nam số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 thì lãi suất áp dụng đối với thẻ tín dụng quốc tế JCB giao dịch rút tiền mặt là 2,6%/tháng.

Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 quy định như sau: "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".

Theo lời trình bày của Nguyên đơn, Nguyên đơn chỉ tính lãi suất quá hạn trên số tiền gốc 29.979.775 đồng tính từ ngày 01/6/2020 với mức lãi suất quá hạn là 2,6% x 150% = 3,9%/tháng. Nguyên đơn không tính bất kỳ khoản phí nào cho đến khi Bị đơn thanh toán hết số tiền gốc trên.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và các thông báo về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng quốc tế S tại các thời kỳ xác định Bị đơn trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng quốc tế đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Nguyên đơn. Vì vậy việc Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải trả tiền lãi tính từ ngày 01/6/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 14/6/2021 với số tiền 14.771.146 đồng là có cơ sở chấp nhận phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

Ngoài ra, Bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm Hợp đồng ngày 02/9/2017 đính kèm Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S.

[2.3] Về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ dân sự: Trong vụ án này, Nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu Bị đơn có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu ai cùng với Bị đơn thực hiện nghĩa vụ dân sự. Đối chiếu quy định pháp luật cũng với những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định số tiền Bị đơn đã sử dụng phục vụ nhu cầu cá nhân nên không buộc ai phải cùng có trách nhiệm liên đới đối với khoản nợ của Bị đơn.

Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết nội dung vụ án nêu trên phù hợp với những đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử. Do vậy, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán theo quy định pháp luật; Nguyên đơn được hoàn lại tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91; Điều 95; Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011;

- Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Thông báo số 15/TB-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc đính chính Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP S:

Buộc ông Phạm Văn G trả ngay một lần cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 14/6/2021 tổng cộng 44.750.921 đồng (Bốn mươi bốn triệu, bảy trăm năm mươi ngàn, chín trăm hai mươi mốt đồng), trong đó: Nợ gốc là 29.979.775 đồng (Hai mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi chín ngàn, bảy trăm bảy mươi lăm đồng), nợ lãi quá hạn là 14.771.146 đồng (Mười bốn triệu, bảy trăm bảy mươi mốt ngàn, một trăm bốn mươi sáu đồng) theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 02/9/2017 đính kèm Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 15/6/2021 cho đến khi thi hành án xong, ông Phạm Văn G còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 02/9/2017 đính kèm Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Phạm Văn G phải chịu án phí là 2.237.546 đồng (Hai triệu, hai trăm ba mươi bảy ngàn, năm trăm bốn mươi sáu đồng). Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 766.058 đồng (Bảy trăm sáu mươi sáu ngàn, năm mươi tám đồng) theo Biên lai thu số AA/2019/0029466 ngày 17/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng TMCP S, ông Phạm Văn G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./ .

Nơi nhận:
- VKSND Q 1;
- VKSND TP. HCM;
- TAND TP. HCM;
- Chi cục THADS Q1;
- Đương sự;
- Lưu (HS, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Thu Hiền